

*Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán*

*Số: 0320-01/2017/BCKiT*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**

*Mã số thuế: 0301305220*



**KHANG VIET AUDITING & CONSULTING CO.,LTD**



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

MỤC LỤC	Trang
<b>1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 30

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

*a. Hội đồng quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Trần	Chủ tịch
Ông Lê Trọng Trí	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Tuệ	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim Dung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Uyên	Thành viên
Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Thành viên

*b. Ban kiểm soát*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng ban
Ông Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Doãn Định	Thành viên

*c. Ban Tổng Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Quốc Hiến	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Phó Tổng Giám Đốc thường trực
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Phó Tổng Giám Đốc

**2. Trụ sở chính và các chi nhánh**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 787 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

*- Các chi nhánh*

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ chi nhánh</i>
Khách Sạn Đông Kinh	102/4 và 106-108 Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Khách sạn Phước Lộc Thọ 1	170-172-174 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Khách sạn Phước Lộc Thọ 2	192-194 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà Hàng Ái Huệ	412-414-418 Trần Hưng đạo, phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà Hàng Ái Huệ 2	68-70-72-74-76 Tân Đà, phường 11, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Trung tâm Lữ Hành	787 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh 83 Châu văn Liêm, phường 14, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

### 3. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có chức năng kinh doanh các ngành nghề chính sau:

Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành và quốc tế.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa.

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: các dịch vụ nghỉ trọ ngắn ngày.

Dịch vụ massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự. Chi tiết: dịch vụ masasge.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống tại nhà hàng, kinh doanh rượu tại nhà hàng.

Vận tải hành khách, khách du lịch. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

Cho thuê xe du lịch theo hợp đồng.

Các hoạt động vui chơi giải trí: Kinh doanh vũ trường, kinh doanh karaoke.

Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, nhà phục vụ cho các mục đích kinh doanh và nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt: hội trường, phòng cưới, văn phòng làm việc.

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.

Trang trí nội thất.

Mua bán thực phẩm, mua bán đồ uống rượu bia.

Tổ chức sự kiện, hội nghị.

Sản xuất các loại bánh từ bột như bánh Trung thu.

Đại lý bảo hiểm.

### 4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 30 (đính kèm).

### 5. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

### 6. Đơn vị kiểm toán

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán Tư Vấn Khang Việt (KVAC) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 7. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**7. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Cho đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *TK*



**NGUYỄN QUỐC HIẾN**

Tổng Giám Đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính năm 2016 của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**  
Số: 0320-01/2017/BCKIT

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN KHANG VIỆT

Tổng Giám Đốc



Võ Duy Trung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1276-2013-181-1

Kiểm toán viên

nguyen

Bùi Thị Bích Nguyễn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3572-2016-181-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>54.594.305.479</b>	<b>63.737.494.607</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>12.049.991.717</b>	<b>9.548.995.678</b>
1. Tiền	111		7.849.991.717	6.548.995.678
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	3.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.276.865.754</b>	<b>53.465.050.220</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	16.191.766.386	14.445.398.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	14.586.061.306	20.371.941.907
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	10.499.038.062	18.647.709.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>1.104.883.905</b>	<b>626.713.511</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.104.883.905	626.713.511
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>162.564.103</b>	<b>96.735.198</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	162.564.103	95.735.198
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>375.702.671.057</b>	<b>362.689.496.213</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>55.410.400</b>	<b>55.410.400</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	55.410.400	55.410.400
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.225.028.810</b>	<b>65.730.266.948</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.07</b>	<b>62.225.028.810</b>	<b>65.721.436.047</b>
- Nguyên giá	222		102.962.887.089	102.823.159.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.737.858.279)	(37.101.723.769)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.08</b>	-	<b>8.830.901</b>
- Nguyên giá	228		313.970.328	313.970.328
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(313.970.328)	(305.139.427)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>12.992.588.328</b>	<b>14.004.943.512</b>
- Nguyên giá	231		28.135.578.002	28.135.578.002
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.142.989.674)	(14.130.634.490)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>276.718.613.632</b>	<b>258.628.026.377</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	276.718.613.632	258.628.026.377
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>19.077.548.225</b>	<b>17.946.490.837</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.001.183.835	20.393.053.835
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.923.635.610)	(2.446.562.998)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.633.481.662</b>	<b>6.324.358.139</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	4.633.481.662	6.324.358.139
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>430.296.976.536</b>	<b>426.426.990.820</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>84.150.381.473</b>	<b>79.821.212.405</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>76.681.616.223</b>	<b>66.600.859.734</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.532.259.877	3.595.389.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.650.313.802	4.418.669.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.320.385.973	3.565.303.494
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.623.463.023	2.453.074.523
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	260.776.884	477.345.181
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.540.229.090	1.482.923.816
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	12.467.419.276	33.148.994.834
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	45.919.666.671	14.516.333.332
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.367.101.627	2.942.825.496
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.468.765.250</b>	<b>13.220.352.671</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	7.468.765.250	7.300.686.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	5.919.666.671
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>346.146.595.063</b>	<b>346.605.778.415</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>346.146.595.063</b>	<b>346.605.778.415</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.000.000.000	324.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(88.000.000)	(88.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		160.388.764	160.388.764
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.074.206.299	22.533.389.651
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	94.026.203
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.074.206.299	22.439.363.448
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>430.296.976.536</b>	<b>426.426.990.820</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



NGUYỄN QUỐC HIẾN  
Tổng Giám Đốc

PHẠM THỊ KIM LIÊN  
Kế Toán Trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>209.040.694.114</b>	<b>175.423.457.878</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	130.902.127	510.525.736
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>208.909.791.987</b>	<b>174.912.932.142</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.03</b>	<b>176.230.462.027</b>	<b>142.598.972.967</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>32.679.329.960</b>	<b>32.313.959.175</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	1.399.756.347	1.504.852.427
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	1.084.444.446	4.333.333
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.084.444.446	4.333.333
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	9.731.861.305	9.510.435.045
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>	<b>30</b>		<b>23.262.780.556</b>	<b>24.304.043.224</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	4.467.281.423	4.383.234.937
12. Chi phí khác	32		300.000	7.828.976
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.466.981.423</b>	<b>4.375.405.961</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>27.729.761.979</b>	<b>28.679.449.185</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	5.655.555.680	6.240.085.737
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>22.074.206.299</b>	<b>22.439.363.448</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	681	630
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



NGUYỄN QUỐC HIẾN  
Tổng Giám Đốc

PHẠM THỊ KIM LIÊN  
Kế Toán Trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		210.783.107.761	189.013.810.967
- Tiền trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(76.320.028.342)	(89.451.722.468)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(26.366.536.171)	(24.405.229.807)
- Tiền lãi vay đã trả	4		(1.084.444.446)	(4.333.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(6.370.937.387)	(5.118.923.849)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		81.479.057.125	152.719.769.494
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7		(178.152.728.509)	(224.049.521.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.967.490.031</b>	<b>(1.296.150.087)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.698.385.939)	(2.770.502.590)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.700.000.000)	(94.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.500.000.000	102.500.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(608.130.000)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		472.781.889	780.483.471
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20.033.734.050)</b>	<b>6.509.980.881</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		40.000.000.000	7.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.516.333.332)	(21.601.333.332)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40.167.087.876)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.683.421.208)</b>	<b>(14.601.333.332)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(30.749.665.227)</b>	<b>(9.387.502.538)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>42.796.966.074</b>	<b>18.936.498.216</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		2.690.870	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>12.049.991.717</b>	<b>9.548.995.678</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



NGUYỄN QUỐC HIẾN  
Tổng Giám Đốc

PHẠM THỊ KIM LIÊN  
Kế Toán Trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301305220, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2006; Chứng nhận thay đổi lần thứ 21 ngày 26 tháng 09 năm 2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Công ty có cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Cổ Đông	Số cổ phân	Số vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
Ông Diệp Phú Vinh	27.283.300	272.833.000.000	84,21%
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	4.320.000	43.200.000.000	13,33%
Cổ đông khác	796.700	7.967.000.000	2,46%
	<b>32.400.000</b>	<b>324.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có chức năng kinh doanh các ngành nghề chính sau:

Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành và quốc tế.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa.

Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: các dịch vụ nghỉ trọ ngắn ngày.

Dịch vụ massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự. Chi tiết: dịch vụ masasge.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống tại nhà hàng, kinh doanh rượu tại nhà hàng.

Vận tải hành khách, khách du lịch. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng.

Cho thuê xe du lịch theo hợp đồng.

Các hoạt động vui chơi giải trí: Kinh doanh vũ trường, kinh doanh karaoke.

Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, nhà phục vụ cho các mục đích kinh doanh và nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt: hội trường, phòng cưới, văn phòng làm việc.

Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản.

Trang trí nội thất.

Mua bán thực phẩm, mua bán đồ uống rượu bia.

Tổ chức sự kiện, hội nghị.

Sản xuất các loại bánh từ bột như bánh Trung thu.

Đại lý bảo hiểm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

*(Đơn vị tính: VND)*

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Niên độ kế toán:** Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

- Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng.

**3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền: bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng

**8. Tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 39
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 07

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**10. Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà	20 - 40

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Phần mềm máy tính	06 - 08

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**13. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là các khoản phải trả ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là các khoản phải trả dài hạn.

**14. Vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên thu nhập chịu thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	1.046.036.700	1.024.967.000
- Tiền gửi ngân hàng	6.803.955.017	5.524.028.678
- Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	3.000.000.000
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	4.200.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.049.991.717</b>	<b>9.548.995.678</b>

**02. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng**

**a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu các khách hàng khác tại	<b>16.191.766.386</b>	<b>14.445.398.482</b>
+ Văn phòng Công ty	1.176.099.900	593.001.200
+ Nhà Hàng Ái Huệ 1	-	33.660.000
+ Khách sạn Phước Lộc Thọ	2.653.791.706	3.048.809.503
+ Khách sạn Đông Kinh	5.560.120.459	5.853.775.672
+ Trung tâm Lữ Hành	6.801.754.321	4.916.152.107
<b>Cộng</b>	<b>16.191.766.386</b>	<b>14.445.398.482</b>

**03. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**

**a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Trả trước cho người bán khác tại	<b>14.586.061.306</b>	<b>20.371.941.907</b>
+ Văn phòng Công ty	10.580.677.699	18.064.390.179
+ Trung tâm Lữ Hành	3.962.824.607	2.307.551.728
+ Khách sạn Đông Kinh	42.559.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.586.061.306</b>	<b>20.371.941.907</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

04. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tạm ứng	6.067.267.224	7.795.492.006
- Phải thu ngắn hạn khác tại	4.431.770.838	10.852.217.825
+ Văn phòng Công ty	3.813.738.860	10.792.935.589
+ Trung tâm Lễ Hành	601.117.502	59.282.236
+ Khách sạn Phước Lộc Thọ	4.675.000	-
+ Khách sạn Đông Kinh	12.239.476	-
<b>Cộng</b>	<b>10.499.038.062</b>	<b>18.647.709.831</b>

b. Phải thu dài hạn khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	55.410.400	55.410.400
+ Ký cược, ký quỹ tại Văn phòng Công ty	55.410.400	55.410.400
<b>Cộng</b>	<b>55.410.400</b>	<b>55.410.400</b>

05. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	39.304.650	24.584.756
- Công cụ, dụng cụ	943.169.283	454.269.980
- Hàng hóa	122.409.972	147.858.775
<b>Cộng</b>	<b>1.104.883.905</b>	<b>626.713.511</b>

06. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn tại

	Cuối năm	Đầu năm
+ Văn phòng Công ty	95.608.785	93.495.198
+ Nhà hàng Ái Huệ 1	10.898.000	-
+ Khách sạn Đông Kinh	47.865.658	-
+ Khách sạn Phước Lộc Thọ	8.191.660	-
+ Trung tâm Lễ Hành	-	2.240.000
<b>Cộng</b>	<b>162.564.103</b>	<b>95.735.198</b>

b. Chi phí trả trước dài hạn tại

	Cuối năm	Đầu năm
+ Văn phòng Công ty	26.231.110	718.561.912
+ Nhà hàng Ái Huệ 1	933.165.431	1.421.908.368
+ Nhà hàng Ái Huệ 2	20.366.000	-
+ Khách sạn Đông Kinh	2.965.736.274	3.264.609.540
+ Khách sạn Phước Lộc Thọ	682.557.093	902.396.795
+ Trung tâm Lễ Hành	5.425.754	16.881.524
<b>Cộng</b>	<b>4.633.481.662</b>	<b>6.324.356.139</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**07. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	87.956.280.629	8.891.142.469	3.505.241.331	1.314.634.518	1.155.860.869	102.823.159.816
- Mua trong năm	-	139.727.273	-	-	-	139.727.273
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	87.956.280.629	9.030.869.742	3.505.241.331	1.314.634.518	1.155.860.869	102.962.887.089
<b>Giá trị hao mòn</b>						
<b>Số đầu năm</b>	26.364.835.294	6.645.757.074	2.385.070.558	603.193.430	1.102.867.413	37.101.723.769
- Khấu hao trong năm	2.695.553.928	585.991.826	209.399.976	104.491.128	40.697.652	3.636.134.510
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	29.060.389.222	7.231.748.900	2.594.470.534	707.684.558	1.143.565.065	40.737.858.279
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Số đầu năm	61.591.445.335	2.245.385.395	1.120.170.773	711.441.088	52.993.456	65.721.436.047
- Số cuối năm	58.895.891.407	1.799.120.842	910.770.797	606.949.960	12.295.804	62.225.028.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

08. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>	-	
<b>Số đầu năm</b>	313.970.328	313.970.328
- Mua trong năm	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	313.970.328	313.970.328
<b>Giá trị hao mòn</b>	-	
<b>Số đầu năm</b>	305.139.427	305.139.427
- Khấu hao trong năm	8.830.901	8.830.901
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	313.970.328	313.970.328
<b>Giá trị còn lại</b>	-	
- Số đầu năm	8.830.901	8.830.901
- Số cuối năm	-	-

09. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>	-	
<b>Số đầu năm</b>	28.135.578.002	28.135.578.002
- Mua trong năm	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	28.135.578.002	28.135.578.002
<b>Giá trị hao mòn</b>	-	
<b>Số đầu năm</b>	14.130.634.490	14.130.634.490
- Khấu hao trong năm	1.012.355.184	1.012.355.184
- Tặng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối năm</b>	15.142.989.674	15.142.989.674
<b>Giá trị còn lại</b>	-	
- Số đầu năm	14.004.943.512	14.004.943.512
- Số cuối năm	12.992.588.328	12.992.588.328



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
<b>Khoản mục</b>					
- Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	258.281.639.461	18.436.974.171	-	-	276.718.613.632
+ Xây dựng cơ bản	9.642.701.339	1.505.960.640	-	-	11.148.661.979
+ Xây dựng cơ bản 473-475 An Dương Vương	99.954.544	-	-	-	99.954.544
+ Xây dựng cơ bản - Chung cư Bình Trị Đông A	72.320.951.742	605.289.728	-	-	72.926.241.470
+ Xây dựng cơ bản - 131 Châu Văn Liêm	296.174.091	-	-	-	296.174.091
+ Xây dựng cơ bản - 123 - 129 Trần Hưng Đạo	66.174.093	14.985.870.720	-	-	15.052.044.813
+ Xây dựng cơ bản Cao ốc 65 An Dương Vương	175.855.683.652	1.339.853.083	-	-	177.195.536.735
- Sửa chữa lớn TSCĐ	346.386.916	121.684.495	-	468.071.411	-
<b>Cộng</b>	<b>258.628.026.377</b>	<b>18.558.658.666</b>	<b>-</b>	<b>468.071.411</b>	<b>276.718.613.632</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**11. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số CP</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>19.077.548.225</b>	<b>17.946.490.837</b>
+ Công Ty Cổ Phần Du Lịch Sài Gòn Bình Châu	668.927	6.716.405.027	6.108.275.027
<i>Giá gốc</i>		6.716.405.027	6.108.275.027
<i>Dự phòng</i>		-	-
+ Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Đà Lạt	1.000.000	8.148.534.950	7.625.607.562
<i>Giá gốc</i>		10.000.266.560	10.000.266.560
<i>Dự phòng</i>		1.851.731.610	2.374.653.998
+ Công Ty Du Lịch Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	436.610	3.552.608.248	3.552.608.248
<i>Giá gốc</i>		3.552.608.248	3.552.608.248
<i>Dự phòng</i>		-	-
+ Công Ty Cổ Phần Du Lịch Cần Thơ	60.000	660.000.000	660.000.000
<i>Giá gốc</i>		731.904.000	731.904.000
<i>Dự phòng</i>		71.904.000	71.904.000
<b>Cộng</b>		<b>19.077.548.225</b>	<b>17.946.490.837</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Số đầu năm	2.446.562.998	3.157.378.260
- Hoàn nhập dự phòng	522.927.388	710.815.262
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.923.635.610</b>	<b>2.446.562.998</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**

**a. Phải trả người bán ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>- Phải trả các nhà cung cấp tại</b>	<b>5.532.259.877</b>	<b>3.595.389.446</b>
+ Văn phòng Công ty	101.180.752	220.106.305
+ Trung tâm Lễ Hành	5.431.079.125	3.375.283.141
<b>Cộng</b>	<b>5.532.259.877</b>	<b>3.595.389.446</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**

**a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>- Trả trước của khách hàng khác tại</b>	<b>1.650.313.802</b>	<b>4.418.669.612</b>
+ Trung tâm Lễ Hành	1.643.101.390	4.403.841.829
+ Khách Sạn Đông Kinh	7.012.412	6.742.412
+ Khách Sạn Phước Lộc Thọ	200.000	2.415.371
+ Nhà Hàng Ái Huệ 1	-	5.670.000
<b>Cộng</b>	<b>1.650.313.802</b>	<b>4.418.669.612</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	695.920.232	-	10.127.484.523	10.280.530.904	542.873.851	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	44.310.629	-	539.598.194	542.672.948	41.235.875	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.109.767.850	-	5.655.555.680	6.028.252.468	1.737.071.062	-
- Thuế TNDN tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	434.966.497	-	1.062.550.173	1.034.030.165	463.486.505	-
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất	280.338.286	-	2.127.331.480	1.871.951.086	535.718.680	-
- Tiền thuế đất	-	-	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.000.000	9.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.565.303.494</b>	<b>1.000.000</b>	<b>19.521.520.050</b>	<b>19.765.437.571</b>	<b>3.320.385.973</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.729.761.979	28.679.449.185
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.283.835.322	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.283.835.322	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Thu nhập chịu thuế	29.013.597.301	28.679.449.185
- Thu nhập được miễn thuế	735.818.900	315.423.106
- Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
- Thu nhập tính thuế	28.277.778.401	28.364.026.079
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20,00%	22,00%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.655.555.680</b>	<b>6.240.085.737</b>

**15. Phải trả người lao động**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền lương phải trả	2.623.463.023	2.453.074.523
<b>Cộng</b>	<b>2.623.463.023</b>	<b>2.453.074.523</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn**

**a. Chi phí phải trả ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	260.776.884	477.345.181
+ Chi phí tiền thuê nhà	175.864.518	266.507.686
+ Chi phí kiểm toán	63.636.364	63.636.364
+ Chi phí lãi vay	11.839.333	40.872.000
+ Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.436.669	106.329.131
<b>Cộng</b>	<b>260.776.884</b>	<b>477.345.181</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**

**a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	1.540.229.090	1.482.923.816
+ Dịch vụ cho thuê nhà	1.511.009.090	1.482.923.816
+ Dịch vụ tour du lịch	29.220.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.540.229.090</b>	<b>1.482.923.816</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

### 18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn Ngân hàng ACB (*)	-	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng ACB (**)	14.516.333.332	-	5.919.666.671	14.516.333.332	5.919.666.671
<b>Cộng</b>	<b>14.516.333.332</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>5.919.666.671</b>	<b>14.516.333.332</b>	<b>45.919.666.671</b>

(\*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu theo hợp đồng tín dụng số HCM.DN.153.220816 ngày 26 tháng 08 năm 2016 như sau:

- Số tiền vay: 40.000.000.000 đồng

- Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 29/08/2016 đến ngày 29/08/2017)

- Lãi suất: 8,0%/năm

- Mục đích vay: Trả cổ tức cho các cổ đông

- Tài sản đảm bảo:

+ Bất động sản tại 102/4 Trần Tuấn Khải, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; trị giá 13.601.000.000 đồng.

+ Bất động sản tại 27 (Trệt) Phạm Bán, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; trị giá 2.371.000.000 đồng.

+ Bất động sản tại Thửa đất số 201, Tờ bản đồ số 9, BDC Phường 8 (theo tài liệu đo năm 2001), Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 164.155.000.000 đồng.

(\*\*) Chi tiết khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu theo Hợp đồng vay 52838609 ngày 23 tháng 12 năm 2008 và Hợp đồng sửa đổi lần 1 số 52838609/SĐBS-01 ngày 10 tháng 04 năm 2012; hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 2 số 52838609/SĐBS-02 ngày 08 tháng 02 năm 2013; hợp đồng sửa đổi bổ sung lần 3 số 52838609/SĐBS-03 ngày 21 tháng 12 năm 2013.

- Số tiền vay: 126.900.000.000 VND

- Mục đích vay: Xây dựng tòa nhà cao ốc văn phòng tại 65 An Dương Vương, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu.

- Lãi suất quy định theo từng khoản vay cụ thể.

- Tài sản đảm bảo:

+ Tài sản hình thành từ vốn: thửa đất số 3,11,201,2012 tờ bản đồ số 9, phường 8, quận 5, tọa lạc tại 63 đường Nguyễn Duy Dương-65 An Dương Vương, phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn.

+ Bất động sản số 27 (Trệt) Phạm Bán, phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng (đổi với đất) của công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn.

+ Bất động sản số 102/4 (Trệt) Trần Tuấn Khải, Phường 5, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng (đổi với đất) của công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Chợ Lớn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

**a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	12.467.419.276	33.148.994.834
+ Kinh phí công đoàn	25.219.580	22.412.400
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác (*)	12.442.199.696	33.126.582.434
<b>Cộng</b>	<b>12.467.419.276</b>	<b>33.148.994.834</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn khác vào cuối năm như sau:

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác tại	Số tiền
+ Văn phòng Công ty	11.984.364.780
+ Trung tâm Lữ Hành	457.569.716
+ Khách sạn Phước Lộc Thọ	265.200
<b>Cộng</b>	<b>12.442.199.696</b>

**b. Phải trả dài hạn khác**

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	7.468.765.250	7.300.686.000
+ Nhận ký quỹ thuê nhà dài hạn	7.468.765.250	7.300.686.000
<b>Cộng</b>	<b>7.468.765.250</b>	<b>7.300.686.000</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Cổ Đông	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Ông Diệp Phú Vinh	27.283.300	272.833.000.000	84,21%
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn- TNHH Một Thành Viên	4.320.000	43.200.000.000	13,33%
Cổ đông khác	796.700	7.967.000.000	2,46%
<b>Cộng</b>	<b>32.400.000</b>	<b>324.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	324.000.000.000	-	160.388.764	21.362.998.003	(88.000.000)	345.435.386.767
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	22.439.363.448	-	22.439.363.448
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2014	-	-	-	2.025.899.800	-	2.025.899.800
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	1.104.000.000	-	1.104.000.000
- Chia cổ tức 2014	-	-	-	18.139.072.000	-	18.139.072.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	324.000.000.000	-	160.388.764	22.533.389.651	(88.000.000)	346.605.778.415
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	22.074.206.299	-	22.074.206.299
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2015	-	-	-	2.033.136.221	-	2.033.136.221
- Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	1.104.000.000	-	1.104.000.000
- Chia cổ tức 2015	-	-	-	19.110.808.000	-	19.110.808.000
- Giảm khác	-	-	-	285.445.430	-	285.445.430
<b>Số dư cuối kỳ</b>	324.000.000.000	-	160.388.764	22.074.206.299	(88.000.000)	346.146.595.063

Lợi nhuận giảm trong năm theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2016 số 07/NQ.ĐHĐCD ngày 24 tháng 08 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu ăn uống	59.687.983.837	55.756.624.981
- Doanh thu bùồng ngủ	8.860.126.404	8.905.841.839
- Doanh thu vận chuyển	96.363.636	85.272.725
- Doanh thu lãi hành	103.151.229.209	68.510.258.148
- Doanh thu bánh kem, nước đá	4.509.259.429	9.887.795.936
- Doanh thu khác	32.735.731.599	32.277.664.249
<b>Cộng</b>	<b>209.040.694.114</b>	<b>175.423.457.878</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	510.525.736
- Hoàn vé lãi hành	130.902.127	-
<b>Cộng</b>	<b>130.902.127</b>	<b>510.525.736</b>

**03. Giá vốn hàng bán**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn ăn uống	44.752.998.317	42.016.140.438
- Giá vốn bùồng ngủ	4.963.035.211	5.144.273.923
- Giá vốn vận chuyển	58.830.286	41.283.804
- Giá vốn lãi hành	100.835.396.007	67.024.582.543
- Giá vốn bánh kem, nước đá	3.305.541.043	6.998.819.919
- Giá vốn khác	22.314.661.163	21.373.872.340
<b>Cộng</b>	<b>176.230.462.027</b>	<b>142.598.972.967</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	138.319.189	465.060.365
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	735.818.900	315.423.106
- Lãi chênh lệch chưa thực hiện	2.690.870	13.553.694
- Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	522.927.388	710.815.262
<b>Cộng</b>	<b>1.399.756.347</b>	<b>1.504.852.427</b>

**05. Chi phí tài chính**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí lãi vay	1.084.444.446	4.333.333
<b>Cộng</b>	<b>1.084.444.446</b>	<b>4.333.333</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH CHỢ LỚN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

### 06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	6.397.724.560	5.904.652.553
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.236.217	189.053.790
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.895.796	338.377.694
- Chi phí bằng tiền khác	2.897.004.732	3.078.351.008
<b>Cộng</b>	<b>9.731.861.305</b>	<b>9.510.435.045</b>

### 07. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác tại Văn phòng Công ty	54.769.083	284.918.786
- Thu nhập khác tại Trung tâm Lữ Hành	1.174	901
- Thu nhập khác tại Khách sạn Phước Lộc Thọ	1.409.079.885	1.427.929.613
- Thu nhập khác tại Khách sạn Đông Kinh	2.660.804.021	2.620.383.575
- Thu nhập khác tại Nhà Hàng Ái Huê	243.876.225	50.000.606
- Thu nhập khác tại Nhà Hàng Ái Huê 2	98.751.035	1.456
<b>Cộng</b>	<b>4.467.281.423</b>	<b>4.383.234.937</b>

### 08. Lãi trên cổ phiếu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.074.206.299	22.439.363.448
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.033.136.221
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.074.206.299	20.406.227.227
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	32.400.000	32.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>681</b>	<b>630</b>

### 09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.491.889.813	33.002.703.594
- Chi phí nhân công	30.487.626.471	27.807.884.660
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.657.320.595	5.106.097.527
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.325.486.453	67.121.071.343
- Chi phí khác	-	19.071.650.888
<b>Cộng</b>	<b>185.962.323.332</b>	<b>152.109.408.012</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 01. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### a. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Chỉ tiêu	Năm nay
- Tiền lương của Hội đồng Quản trị	800.000.000
- Tiền lương của Ban kiểm soát	264.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.064.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Đơn vị tính: VND)

**02. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



---

**NGUYỄN QUỐC HIẾN**

Tổng Giám Đốc

---

**PHẠM THỊ KIM LIÊN**

Kế Toán Trưởng

